

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 20 – 7 – 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt.

2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Việt T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh S (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng giám đốc Agribank “Về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”) (Có mặt).

Địa chỉ: Khu hành chính, ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng N trình bày:

Ngày 09/06/2020, ông Nguyễn Hải Đ và Ngân hàng chi nhánh T hai bên đã ký Hợp đồng tín dụng số 7612LAV202000609, hạn mức tín dụng đã ký là 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng). Mức dư nợ mà ông Nguyễn Hải Đ đã nhận tại hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Ngày 01/06/2021, ông Nguyễn Hải Đ và Ngân hàng chi nhánh T đã thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327. Hai bên thống nhất rằng toàn bộ dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 7612LAV202000609 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327. Cụ thể, tại Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327 ngày 01/06/2021:

- Số tiền cho vay: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).
- Tổng mức dư nợ đã nhận: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: chi phí đánh bắt, khai thác hải sản.
- Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 01/06/2021 đến ngày 01/06/2022.

Lãi suất cho vay trong hạn: Theo từng giấy nhận nợ.

Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Thời gian trả nợ gốc:

1. Giấy nhận nợ số 7612LDS201901151 ngày 16/08/2019.

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 14,25%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: 06 tháng/kỳ, vào ngày 30 của tháng cuối kỳ.

- Thời hạn vay: 16/08/2019 đến 16/06/2020.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 16/04/2021.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 53.616.439 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 500.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 93.944.444 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 33.975.694 đồng.

2. Giấy nhận nợ số 7612LDS202100392 ngày 09/03/2021.

- Số tiền vay: 700.000.000 đồng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 14,25%/năm.

- Thỏa thuận trả lãi: 06 tháng/kỳ, vào ngày 30 của tháng cuối kỳ.

- Thời hạn vay: 09/03/2021 đến 02/09/2021.

Do bên vay có đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi nên thời hạn đến hạn trả nợ gốc, lãi của giấy nhận nợ này đến ngày 09/03/2022.

Số tiền bên vay đã trả gốc: 0 đồng.

Số tiền bên vay đã trả lãi: 0 đồng.

Dư nợ gốc còn lại chưa trả: 700.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 102.151.389 đồng.

Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 17.363.889 đồng.

Tổng cộng 2 lần giải ngân lại:

- Số tiền gốc bên vay chưa trả: 1.200.000.000 đồng.

- Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 196.095.833 đồng.

- Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 51.339.584 đồng (Tạm tính đến ngày 13/09/2022).

Tổng số tiền gốc, lãi mà bên vay chưa trả là: 1.447.435.417 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bên vay và người có quyền, nghĩa vụ liên quan thống nhất dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 850/HĐTC ngày 17/06/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp tài sản số 192/HĐTCBS ngày 15/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 850/HĐTC ngày 17/06/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 938/HĐTC ngày 08/07/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp tài sản số 1191/HĐTCBS ngày 15/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Hợp đồng thế chấp tài sản số 938/HĐTC ngày 08/07/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 848/HĐTC ngày 17/06/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp tài sản số 1189/HĐTCBS ngày 15/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Hợp đồng thế chấp tài sản số 848/HĐTC ngày 17/06/2019. (Theo điều 4 tại hợp đồng tín dụng số 7612LAV202200327 đã ký ngày 1/06/2021, bên vay tiếp tục sử dụng các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng số 7612LAV202200327).

Cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 490242, sổ vào sổ CSO2218, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 15/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ. Thửa đất số 273, Diện tích: 165,4m², tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

2. Tàu cá, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 2.281/17 do Chi cục thủy sản tỉnh S cấp ngày 11/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ.

3. Tàu cá, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1.022/19 do Chi cục thủy sản tỉnh S cấp ngày 02/07/2019 cho ông Nguyễn Hải Đ.

Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327 ngày 01/06/2021, tạm tính đến ngày 20/7/2023 như sau:

Số tiền gốc bên vay chưa trả: 1.200.000.000 đồng.

- Dư nợ lãi trong hạn còn lại chưa trả: 294.262.500 đồng.

- Dư nợ lãi quá hạn còn lại chưa trả: 100.422.917 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi: 1.594.685.417đ (Một tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm mười bảy đồng).

2. Trường hợp ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H không có khả năng trả nợ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng N thu hồi nợ.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án, bị đơn ông Nguyễn Hải Đ trình bày:

Ông Nguyễn Hải Đ xin Ngân hàng cho trả trước phần tiền lãi. Phần tiền gốc xin trả trong vòng hai năm (cuối năm 2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị H không có lời trình bày do vắng mặt:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong vụ án này, nguyên đơn **Ngân hàng N** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H trả cho **Ngân hàng** tổng số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

- Bị đơn ông Nguyễn Hải Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 09/06/2020, ông Nguyễn Hải Đ và Agribank chi nhánh T hai bên đã ký Hợp đồng tín dụng số 7612LAV202000609, hạn mức tín dụng đã ký là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Mức dư nợ mà ông Nguyễn Hải Đ đã nhận tại hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Ngày 01/06/2021, ông Nguyễn Hải Đ và Agribank chi nhánh T đã thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327. Hai bên thống nhất rằng toàn bộ dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 7612LAV202000609 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327. Cụ thể, tại Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327 ngày 01/06/2021:

- Số tiền cho vay: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).
- Tổng mức dư nợ đã nhận: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: chi phí đánh bắt, khai thác hải sản.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay ông Nguyễn Hải Đ và bà Lê Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng tại các Hợp đồng thế chấp tài sản số 850/HĐTC ngày 17/06/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp tài sản số 192/HĐTCBS ngày 15/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 850/HĐTC ngày 17/06/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 938/HĐTC ngày 08/07/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp tài sản số 1191/HĐTCBS ngày 15/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Hợp đồng thế chấp tài sản số 938/HĐTC ngày 08/07/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 848/HĐTC ngày 17/06/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp tài sản số 1189/HĐTCBS ngày 15/08/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Hợp đồng thế chấp tài sản số 848/HĐTC ngày 17/06/2019. (Theo điều 4 tại hợp đồng tín dụng số 7612LAV202200327 đã ký ngày 1/06/2021, bên vay tiếp tục sử dụng các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng số 7612LAV202200327).

Xét về Hợp đồng tín dụng số 7612LAV202000609 ngày 09/6/2020 và Hợp đồng tín dụng số 7612LAV2022000327 ngày 01/6/2021 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N chi nhánh T với ông Đ, bà H là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà H đã không thực hiện đúng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc thực hiện hợp đồng nhưng đến nay số nợ đã quá hạn mà vẫn chưa thanh toán. Việc ông Đ, bà H không trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà còn vi phạm các quy định tại Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó Ngân hàng N ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh tại T khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H thanh toán toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 20/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.594.685.417 đồng. Trong đó nợ gốc 1.200.000.000 đồng.; nợ lãi trong hạn: 294.262.500 đồng và nợ lãi quá hạn: 100.422.917 đồng là có căn cứ.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp:

- Thửa đất số 273, diện tích 165,4m², tờ bản đồ số 43 có gắn liền căn nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Hiện do ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H đang quản lý, sử dụng.

- Tàu cá, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 2.281/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ.

- Tàu cá, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1.022/19 do Chi cục thủy sản tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/07/2019 cho ông Nguyễn Hải Đ.

Trong trường hợp ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

[4] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền vốn và lãi là: 1.594.685.417đ (Một tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm mười bảy đồng). Trong đó nợ gốc: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 294.262.500đ (Hai trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) và nợ lãi quá hạn: 100.422.917đ (Một trăm triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy đồng) (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/ Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp:

- Thửa đất số 273, diện tích 165,4m², tờ bản đồ số 43 có gắn liền căn nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Hiện do ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H đang quản lý, sử dụng.

- Tàu cá, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 2.281/17 do Chi cục thủy sản tỉnh S cấp ngày 11/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ.

- Tàu cá, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1.022/19 do Chi cục thủy sản tỉnh S cấp ngày 02/07/2019 cho ông Nguyễn Hải Đ.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp:

- Ngân hàng N không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

- Ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H phải liên đới chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Số tiền này ông Đ, bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng.

4/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Hải Đ, bà Lê Thị H phải liên đới nộp 59.840.562đ (Năm mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải nộp án phí sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại 27.711.531đ (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm mười một nghìn, năm trăm ba mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004181 ngày 17/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng